

PHẨM: HƯƠNG TÍCH

Nội dung phẩm này là nhờ vào Hương Tích Như Lai để nói về quả Tịnh độ của chư Phật. Căn cứ theo người được nhờ để đặt tên phẩm nên gọi là phẩm Hương Tích. Toàn phẩm được phân biệt làm ba môn:

1. Ấn định điều luận biện.
2. Giải thích nguyên do.
3. Giải thích văn.

1. Điều luận biện có hai phần:

1. Căn cứ theo đức ông Duy-ma để phân biệt thì phẩm này cũng chính là hiển thị đức bất tư nghị của ông Duy-ma. Các việc như xin cơm Hương tích, trượng thất nhỏ mà dung chứa tòa cao rộng, chính là hiển đức bất tư nghị.

2. Căn cứ theo pháp để phân biệt thì pháp tức nhân quả Tịnh độ, nhân quả pháp thân. Ở đây chính là nêu nhân quả Tịnh độ, nói các việc vi diệu như cõi Chúng hương trang nghiêm là quả Tịnh độ. Các pháp tu mười thiện tám pháp nói ở sau là nhân Tịnh độ.

2. Giải thích nguyên do phát khởi phẩm này:

Lại phải y cứ theo hai nghĩa trước để giải thích.

1. Căn cứ theo ông Duy-ma để giải thích. Về nghĩa trong phần nói Đức của ông Duy-ma gồm bốn đôi, thì ba đôi như đã luận ở trên, từ phẩm Nhập Bất Nhị Môn trở xuống là đôi thứ tư. Trong đôi này, phẩm trước nói pháp tu hành, tức tu hành để chứng thật, phẩm này nói về việc thành tựu, tức thành tựu đức Bất tư nghị giải thoát, nhân tu hành mà có nên nêu cần phải luận. Phẩm trước nói vào pháp môn chẳng hai là thể của giải thoát, phẩm này nói về dụng của giải thoát; nương vào thể mà có dụng nên cần phải nói.

2. Căn cứ theo pháp để giải thích. Ở trên nói ông Duy-ma bệnh, vua quan đại thần đều đến thăm, chính là luận về nhân quả pháp thân, phẩm này nói nhân quả Tịnh độ, vì thân phải nương vào quốc độ, nên cần phải luận đến.

3. Giải thích văn: Gồm hai phần:

1. Luận về pháp.

2. Từ câu “Ngài Duy-ma và Bồ-tát Văn-thù ở trong đại chúng...” trở xuống là nói về lợi ích của thuyết pháp.

Phần thứ nhất lại có hai:

1. Từ lý do ngài Xá-lợi-phất nghĩ đến thức ăn mà xin cơm ở cõi Hương tích để nói về quả Tịnh độ.

2. Từ câu “Các Bồ-tát cõi kia nghe được đều nói là chưa từng có...” trở xuống là nói về việc nhân nơi các Bồ-tát cõi kia mới đến khen ngợi mà nói nhân Tịnh độ.

Quả Tịnh độ thì cõi Hương tích là rõ ràng nhất, cho nên nhờ Bồ-tát kia để hiển thị. Nhân Tịnh độ thì cõi Ta-bà hơn hết, nên phải y cứ vào đó để nói. Nhưng nhân quả Tịnh độ được nói ở đây là để thành tựu cho nghĩa của Hội thứ nhất đã nêu trên. Thành tựu như thế nào? Hội thứ nhất nói khi Bồ-tát thành Phật được cõi nước có đầy đủ các công đức, nhưng tướng trạng chưa hiển bày, nên nay phải nhờ vào cõi Hương tích để hiển rõ. Vì thế văn sau nói Chúng hương, tất cả đều từ hương tạo thành, như lầu các, đường kinh hành, vườn rừng đều là hương... trong hội đầu tiên còn nói khi Bồ-tát thành Phật thì chúng sinh Đại thừa sinh sang nước ấy, nhưng tướng còn chưa hiển lộ, nên nay mới nhờ vào cõi Hương tích để hiển thị. Vì thế văn sau nói nước Hương tích không có Thanh văn và Bích-chi-Phật, chỉ có Đại Bồ-tát thanh tịnh. Trong hội đầu tiên còn nói khi Bồ-tát thành Phật thì chúng sinh có đầy đủ công đức sinh sang nước ấy, nhưng tướng vẫn chưa hiển, nên nay cũng phải nhờ cõi Hương tích để hiển thị. Vì thế văn sau nói các Bồ-tát ngồi dưới cây Hương tức liền đạt được Tam-muội Nhất thiết đức tạng, Bồ-tát đạt được Tam-muội này thì sẽ đầy đủ các công đức. Thành tựu nghĩa quả như thế. Vả lại hội đầu tiên nói sáu ác hạnh, sáu độ, bốn nhiếp... là nhân Tịnh độ, nhưng chưa nêu ra xứ sở, nay sẽ luận về việc này, vì thế văn sau nói chỉ ở cõi Ta-bà mới có mười việc còn các cõi Tịnh khác thì không có. Hội đầu tiên còn nói các hành là nhân Tịnh độ mà chưa nêu ra pháp, nên ở đây phải luận đến, vì thế văn sau nói các Bồ-tát này thành tựu tám pháp hành này thì không bị lầm lỗi, được sinh về Tịnh độ; tám pháp này đều thuần là pháp nhiếp, nương vào các pháp nhiếp này mà khởi tất cả hạnh để làm nhân Tịnh độ. Thành tựu về nhân như thế.

Trong phần đầu luận về quả Tịnh độ, trước tiên nêu việc ngài Xá-lợi-phất nghĩ đến thức ăn để làm nguyên do, sau đó nói ông Duy-ma-cật vì ngài Xá-lợi mà xin cơm để hiển thị lực Bất tư nghị của mình, đồng thời hiển thị các việc nơi Tịnh độ Hương Tích. Trong đoạn nói về ngài Xá-lợi nghĩ đến thức ăn, đầu tiên kinh ghi: “Bấy giờ ngài Xá-lợi-phất” là nêu người khởi sự suy nghĩ. Vị này có trí tuệ thù thắng có thể phát khởi nhiều, cho nên chỉ một mình ngài sinh niệm. Sau đây là nêu lên điều suy nghĩ. “Giờ ăn sắp đến, các vị Bồ-tát này sẽ thọ thực nơi đâu?” do trượng thất còn trống không nên khởi niệm này, vì đó là điều cần thiết trong lúc thọ thực, nên phải nghĩ đến. Vả lại nhân nghĩ đến thức

ăn mà khai phát nhiều việc, cho nên nay phải nghĩ đến.

Hỏi:

- Vì sao trước nghĩ đến tòa thì nghĩ đến cả hàng Thanh văn, còn nay nghĩ đến thức ăn, chỉ nghĩ đến Bồ-tát?

Đáp:

- Tòa ngồi thì Đại Tiểu đều cần, nên phải nghĩ đến tất cả, còn thọ thực thì hàng Thanh văn có pháp khát thực riêng cho nên không nghĩ đến. Trước nghĩ đến tòa ngồi thì chung cho cả Thanh văn mà bị quở trách, nên nay chẳng nêu. Trong đoạn nói về việc ông Duy-ma xin cơm thì văn gồm ba phần:

1. Quở trách điều suy nghĩ khiến xả bỏ thức ăn dơ xấu.

2. Từ câu “nếu muốn ăn...” trở xuống là nói lấy thức ăn, khiến cầu được thức ăn thanh tịnh.

3. Từ câu “ông Duy-ma nhập Tam-muội...” trở xuống là chánh thức nói lấy thức ăn thuận theo tâm mong muốn.

Trong phần đầu, trước tiên nói “Ông Duy-ma” là nêu người quở trách, câu “biết ý kia” là nói về nguyên nhân để quở trách. Từ câu “mà nói rằng...” trở xuống là nêu lời quở trách. Nói “Phật thuyết tám giải thoát, nhân giả nên vâng làm theo”, là nêu điều trình bày. Tám giải thoát là pháp lìa dục, vì thế được nêu ra, nghĩa như Biệt chương đã nói rõ. Ở đây chỉ nêu tên gọi:

1. Nội hữu sắc tưởng ngoại quán sắc.

2. Nội vô sắc tưởng ngoại tưởng sắc.

3. Tịnh tưởng giải thoát.

4. Không xứ.

5. Thức xứ.

6. Vô sở hữu xứ.

7. Phi tưởng xứ.

8. Diệt tận xứ.

Tám pháp này xa lìa trói buộc nên gọi là giải thoát. Trái ngược và xa lìa các lỗi nên trong kinh gọi đó là Bội xả. Vả lại Bồ-tát Long Thọ nói: “Trái nghịch với năm dục, xa lìa tâm chấp trước cũng gọi là Bội xả”. Nói nhân giả nên vâng làm tức là bảo nên vô dục. Nói “Há có xen tâm muốn ăn mà nghe pháp ư?” là lời quở trách. Tức là nói vâng làm tám pháp giải thoát mà có thể xen lẫn tâm muốn ăn để nghe pháp ư? Vì thọ dụng món ăn xấu này thì sẽ sinh nhiều lỗi lầm, nên quở trách khiến xả bỏ.

Hỏi:

- Ngài Xá-lợi-phất nghĩ đến thức ăn là vì các Bồ-tát, vì sao ông Duy-ma lại quở trách ngài Xá-lợi-phất tự mình ham muốn?

Đáp:

- Ngài Xá-lợi-phất nghĩ đến thức ăn vốn là từ tâm cần thọ thực của mình mà khởi, tức là mình có tâm mong cầu mà cho rằng người cũng mong cầu, nên mới nghĩ Bồ-tát sẽ thọ thực nơi đâu, ông Duy-ma nay xét biết được nguyên nhân đó nên quở trách.

Thứ hai là đồng ý vì ngài Xá-lợi mà lấy thức ăn. Nói “nếu muốn ăn” là nêu điều ngài Xá-lợi cần, nói “sẽ khiến ngài có thức ăn chưa từng có”, là hứa sẽ lấy thức ăn. Nếu dùng thức ăn của Tịnh độ thì được nhiều lợi ích, muốn làm cho người mong cầu, nên chấp nhận lấy thức ăn.

Thứ ba, là chánh thức lấy thừa ăn hiển thị lực Bất tư nghị của mình, khiến người tu học, đồng thời hiển quả Tịnh độ Chúng Hương, để người thấy nguyện cầu đạt đến. Trong đoạn văn này chủ yếu là đối với uế để hiển tịnh. Gồm sáu đoạn quy về ba đôi; sáu đoạn là:

1. Ông Duy-ma dùng thần lực để hiển thị cõi Phật Hương Tích ở phương trên, sai hóa nhân xin cơm, khiến mọi người ở cõi này đều thấy.

2. “Các Bồ-tát cõi kia thấy hóa nhân... nói về các Bồ-tát cõi Chúng hương thấy các Hóa nhân đến, nên biết cõi Ta-bà này mà đến nghe pháp.

Hai đoạn này thành một đôi, hiển thị cõi khác nhau khiến hai bên đồng biết.

3. Từ câu “Ông Duy-ma liền hóa chín trăm vạn...” trở xuống, là nói trượng thất nhỏ ở cõi Ta-bà mà dung chứa tòa cao rộng.

4. Từ câu “ông Duy-ma-cật nói với ngài Xá-lợi-phất rằng có thể thọ thực...” trở xuống là nói một ít cơm ở cõi chúng Hương mà đủ cho tất cả.

Hai đoạn này là một đôi, hiển thị việc khác nhau khiến hai bên đồng cung kính.

5. Từ câu “ông Duy-ma hỏi Hương Tích Như Lai dùng gì để thuyết pháp...” trở xuống là nói về phép tắc Đức Như Lai cõi kia nhiếp hóa chúng sinh.

6. Từ câu “Các Bồ-tát cõi kia hỏi Đức Thích-ca dùng gì để thuyết pháp...” trở xuống là nói về phép khai đạo của Đức Thế Tôn ở cõi này.

Hai đoạn này là một đôi, hiển bày pháp khác nhau để hai bên đồng tu học.

Trong sáu đoạn này thì bốn đoạn trước nói về lợi ích của thức ăn, hai đoạn sau thì nêu lợi ích của pháp. Trong phần nói về lợi ích của thức ăn, trước tiên nói ông Duy-ma xin, kế đến là nói Đức Phật kia cho, sau là nói ông Duy-ma từ Đức Phật kia nhận cơm, cuối cùng là nói ông Duy-ma mời đại chúng thọ thực. Đoạn đầu lại có ba:

1. Ông Duy-ma hiện ra cõi Chúng hương khiến đại chúng cõi này đều thấy.

2. Từ câu “Hỏi Bồ-tát...” trở xuống, là mời đại chúng thọ thực.

3. Từ câu “Lúc bấy giờ ông Duy-ma chẳng rời tòa...” trở xuống là nói về việc ông Duy-ma mượn đại chúng không được liên sai hóa nhân xin cơm.

Trong đoạn một thì trước tiên là nói ông Duy-ma hiện, sau đó là nói đại chúng đồng thấy.

Hỏi:

- Vì sao ông Duy-ma cố hiện ra cõi kia để cho đại chúng được thấy?

Đáp:

- Vì hiển cõi Tịnh cho mọi người thấy mà mong cầu. Vả lại hiện ra sức bất tư nghị cho đại chúng tu học.

Thị hiện như thế nào? Gồm hai nghĩa:

1. Vì muốn nêu lên cơm được lấy là thật chẳng hư dối, nhờ vào thật để hiển sức bất tư nghị.

2. Vì muốn nêu lên cơm được lấy là ở xa chẳng phải là gần, nhờ vào xa để hiển thị sức bất tư nghị.

Văn kinh đầu tiên nói: “Liên nhập Tam-muội”, tức nói chỗ y cứ của cảnh hiện hóa không lúc nào chẳng tồn tại, tùy sự hóa hiện mà nhập vào, “dùng sức thần thông” là nêu lên chỗ tác dụng, đây là sức như ý thông bất tư nghị, nói “chỉ cho đại chúng” là hiện hóa chỗ làm. Sau đây là nói về cảnh hiện hóa. Gồm năm việc:

1. Chỉ phương hướng cõi nước.

2. Nêu xa gần tức nói vượt qua bốn mươi hai hàng hà sa cõi Phật.

3. Cõi nước được hiện ra, tức nói cõi nước tên Chúng hương.

4. Đức Phật được hiện thấy, tức nói có Phật hiệu là Hương Tích nay đang trụ ở cõi ấy.

5. Căn cứ theo cảnh hiện hóa mà luận rộng về tướng trạng; gồm bốn nghĩa: Một là cõi nước; hai là người; ba là cõi nước; bốn là người. Nói mùi hương của cõi này là bậc nhất trong mười phương là đoạn thứ nhất nói về cõi thù thắng; luận chung thì Tịnh độ có ba loại trạng

nghiêm: Một là sự trang nghiêm, tức năm dục thù thắng; hai là pháp trang nghiêm, tức chỉ thuyết Đại thừa; ba là người trang nghiêm tức chỉ có Bồ-tát cư trụ. Cõi Chúng hương có đủ ba trang nghiêm này. Đoạn này nói về hương trang nghiêm trong các sự trang nghiêm. “Cõi nước kia không có Thanh văn và Bích-chi-Phật, chỉ có Đại Bồ-tát thanh tịnh được Đức Phật nói pháp cho nghe”, đây là đoạn thứ hai nói về người thù thắng, cũng là người và pháp trang nghiêm. Nói “cõi ấy đều dùng mùi hương làm lầu gác” là đoạn thứ ba nói lại về cõi nước thù thắng, từ câu “Đức Phật kia...” trở xuống là đoạn thứ tư, nói lại về người thù thắng. Nói “Phật và các Bồ-tát mới vừa ngồi thọ thực” là nói người thọ cúng dường thù thắng; nói “Có các Thiên tử đều tên là Hương Nghiêm...” là nêu người cúng dường thù thắng.

Trên là nói về hiện cõi nước, về việc đại chúng đều thấy thì có thể tự biết, từ đây xuống là phần thứ hai, ông Duy-ma bảo đại chúng đi lấy thức ăn. Vì sao đầu tiên chẳng sai hóa nhân đến xin cơm mà phải bảo đại chúng? Vì muốn hiển bày không có tâm tự cao, không xem thường đại chúng. Hơn nữa vì muốn đối với chúng mà nêu thần lực của mình thù thắng để chúng tôn kính, khởi tâm cầu Phật. Ở đây gồm bốn đoạn:

1. Ông Duy-ma bảo đại chúng lấy thức ăn, cho nên hỏi các Bồ-tát rằng: “Các nhân giả! Vị nào có thể đến Đức Phật kia để thọ nhận thức ăn?”.

2. “Do sức oai thần của ngài Văn-thù nên tất cả đều im lặng”; vì ngài Văn-thù muốn cho ông Duy-ma sai hóa nhân đi, nên chế ngự khiến im lặng. Vì sao ngài Văn-thù lại muốn ông Duy-ma sai hóa nhân đến xin cơm? Vì hóa nhân của ông Duy-ma đến, thì các Bồ-tát kia từ nơi hóa nhân suy ra bản mà đến cõi này nghe pháp, còn những vị khác đến thì không có việc này, vì thế mà chế phục khiến đều im lặng.

3. Ông Duy-ma khích đại chúng đi thọ nhận thức ăn, tức bậc nhân đức rất nhiều mà chẳng thể kham nhận đi lãnh thức ăn, cho nên nay khích phát nói “Các nhân giả không thấy hổ thẹn ư?”.

4. Ngài Văn-thù vì chúng mà trừ lỗi, ngài nói “Như lời Phật dạy chẳng nên khinh người chưa học”, tức là vì chúng sinh học đức giải thoát, nên chẳng thể kham nhận đi thọ lãnh thức ăn, xin chớ khinh thường hạ nhục.

Đoạn thứ ba, ông Duy-ma bảo đại chúng chẳng được, liền sai hóa nhân đi. Vì sao tự thân chẳng đi mà phải khiến hóa nhân? Bữa ăn này ông Duy-ma là hóa chủ, chẳng lẽ khách còn ở tại trượng thất mà lại bỏ đi, vả lại muốn các Bồ-tát cõi kia từ hóa suy ra bản mà đến đây nghe

pháp, vì thế tự thân chẳng đi. Văn gồm ba phần:

1. Hóa ra một vị Bồ-tát, tướng quý và vẻ đẹp đầy đủ.
2. Từ câu “mà bảo rằng...” trở xuống, là dạy vị Hóa Bồ-tát đến cõi kia xin thức ăn.
3. Từ câu “Bấy giờ hóa Bồ-tát...” trở xuống là nói vị Hóa Bồ-tát vâng mệnh đến cõi kia xin cơm.

Phần thứ nhất, văn kinh ghi: “Ông Duy-ma chẳng rời tòa, ở ngay trước chúng hội” là nói nơi hóa hiện; “Hóa hiện một vị Bồ-tát đầy đủ tướng quý và vẻ đẹp, oai đức thù thắng” là nói về công việc của sự biến hóa. Căn cứ theo kinh Kim Quang Minh thì thân của bậc Thánh có ba:

1. Chân thân, là pháp và báo thân.
2. Ứng thân, tức là tùy sự giáo hóa mà hiện sinh.
3. Hóa thân, thân do ứng thân hóa ra mà có.

Nay ông Duy-ma-cật đầy đủ ba thân này, trong đó thể chân đức của ông Duy-ma-cật là chân thân, thân thọ sinh ở Tỳ-da là ứng thân, vị Bồ-tát được hóa hiện ra là hóa thân. Thứ hai, nói về lời dạy, văn kinh ghi: “bảo rằng” là nêu chung về lời dạy. Sau đây là chỉ bày riêng. Đầu tiên chỉ nơi chốn, tức là chỉ thân qua cõi ấy, sau là dạy lời xin thức ăn. Nói “như lời của ta mà thưa rằng” là nêu tổng quát lời dạy, sau đó là chỉ bày riêng, trong đó trước dạy thăm hỏi Đức Thế Tôn, từ câu “xin được món cơm thừa...” trở xuống là xin cơm của Như Lai; từ câu “khiến những người thích...” trở xuống là nói về mục đích của việc xin cơm; “khiến những người thích pháp Tiểu thừa được pháp Đại thừa” là lợi ích pháp được lưu thông, nói “cũng làm cho tiếng tăm của Như Lai vang khắp” là nói lợi ích về người được lưu truyền. Lại nói Đạo rộng lớn là lợi ích được thọ pháp, nói khiến cho danh tiếng Như Lai vang khắp là lợi ích được nghe danh hiệu Phật.

Hỏi:

- Vì sao ngài Xá-lợi-phất nghĩ đến thức ăn thì chỉ vì các Bồ-tát, còn ông Duy-ma xin cơm thì chỉ vì những người thích pháp Tiểu thừa?

Đáp:

- Về ngài Xá-lợi-phất chỉ vì Bồ-tát thì như trước đã giải thích, hơn nữa ngài Xá-lợi-phất cho rằng thân của các Bồ-tát cần dùng, nên mới nghĩ đến thức ăn, còn ông Duy-ma thì biết các Bồ-tát chẳng cần, nên nay xin cơm về thì chỉ muốn cho người thích pháp nhỏ thấy được diệu dụng khó lường ở cảnh giới Tịnh độ của chư Phật, Bồ-tát, mà phát tâm nguyện cầu.

Thứ ba, trong phần Hóa Bồ-tát xin cơm, đầu tiên nói hóa Bồ-tát

bay lên cõi trên tất cả đại chúng đều thấy, sau là hóa Bồ-tát nói lời cầu xin thức ăn, đại chúng đồng nghe, lời thì như trước đã dạy.

Trên là phần thứ nhất, hợp cõi Chúng hương khiến hóa nhân xin cơm, đại chúng đồng thấy, từ đây xuống là phần thứ hai nói về các Bồ-tát nước Chúng hương nhân hơi hóa Bồ-tát mà biết cõi này, nên đến nghe pháp.

Hỏi:

- Chư Phật đều đồng nhau, chẳng sai biệt thế thì nghe pháp ở nơi Phật này cũng đủ, cần gì phải đến Đức Phật cõi kia cầu nghe?

Đáp:

- Gồm ba nghĩa:

1. Vì mình cho nên đến, tức muốn cúng dường chư Phật và Bồ-tát cõi này để nghe pháp. Vì chư Phật, Bồ-tát cõi này có nhân duyên tốt, nếu cúng dường và nghe pháp thì được lợi ích rất lớn.

2. Vì người mà đến; có hai ý: Một là vì muốn chúng sinh ở cõi kia thấy được nhân duyên tốt đẹp của Đức Phật ở cõi này mà sinh lợi ích, vì sức công đức yếu kém không thể tự đến mà phải cần bậc Đại Bồ-tát dẫn dắt, như các Bồ-tát Vô Biên Thân, Lưu Ly Quang mỗi mỗi đều dẫn dắt vô lượng Bồ-tát đến cõi này, mà đạt được lợi ích; hai là vì chúng sinh ở cõi này mà đến, chúng sinh ở cõi này thấy các Bồ-tát cõi kia đến mà được lợi ích rất nhiều, cho nên nói đây là nghĩa thứ hai vì người mà đến.

3. Vì muốn tán dương công đức của Tam bảo cho nên đến, trong đó hoặc là tán dương công đức của Phật, như việc các Bồ-tát tụ tập tán dương Đức Phật, khi ngài mới thành đạo; hoặc là tán dương pháp, hiển bày pháp thì có nhiều nguyên nhân, không thể kể hết; hoặc là tán dương công đức của các Bồ-tát, nghĩa của đức chẳng phải là một.

Nay các Bồ-tát từ nước Chúng hương đến gồm các ý nghĩa đã nêu. Theo văn thì chính thức là nói vì mình mà đến, đồng thời cũng muốn tán dương cao đức của ông Duy-ma. Văn gồm năm đoạn:

1. Bồ-tát nước Chúng hương thấy Hóa Bồ-tát đến liền thưa hỏi Đức Phật, Đức Phật trả lời đầy đủ.

2. Bồ-tát cõi kia hỏi về ông Duy-ma, người ấy thế nào mà có thể biến hóa được như thế? Đức Phật ấy liền giải thích.

3. Đức Như Lai trao bát cơm thơm cho Hóa Bồ-tát.

4. Các Bồ-tát nước Chúng hương muốn xin đến cõi này, Đức Phật cõi kia cho phép.

5. Từ câu “lúc bấy giờ Hóa Bồ-tát đã nhận bát cơm...” trở xuống

là nói việc Hóa Bồ-tát và đại chúng cõi kia nương oai lực của Phật mà đến cõi này.

Trong đoạn một, trước tiên là hỏi, Đức Phật đáp. Trong lời hỏi, trước nói “Các Đại sĩ ở cõi kia” là nêu người hỏi, “thấy Hóa Bồ-tát” là nêu người được thấy, “liền khen là điều chưa từng có”, là tán dương Hóa Bồ-tát thần đức cao. Sau đó là chánh thức hỏi: “Bậc Thượng nhân này từ đâu đến?” là hỏi về nơi xuất phát; “Thế giới Ta-bà ở đâu?” là hỏi về nơi chốn; “Thế nào gọi là người thích pháp nhỏ được đạo rộng lớn?” là hỏi về mục đích, vì cõi kia không có pháp Tiểu thừa, cho nên mới hỏi. Do Hóa Bồ-tát trước có thưa với Đức Phật kia rằng: “Muốn đem về cõi Ta-bà để làm Phật sự, khiến những người thích pháp nhỏ được đạo rộng lớn”, vì thế mà bây giờ các Bồ-tát kia hỏi. “Liền hỏi Đức Phật” tức xin bậc Thánh giải đáp. Sau đây là Đức Phật đáp.

Văn ghi: “Đức Phật bảo rằng”, nêu chung lời đáp. “Ở phương dưới cách đây...” là tùy hỏi mà giải thích riêng. Trong đó từ đầu tiên đến câu “Có một cõi nước tên là Ta-bà”, là đáp câu hỏi “cõi Ta-bà ở đâu” nói ở trên. Ta-bà là âm Phạm, Hán dịch là Nhẫn, kinh Bi Hoa giải thích rằng chúng sinh ở cõi này kham nhẫn lãnh thọ ba độc và các phiền não, cõi nước theo người mà đặt tên nên gọi là Nhẫn. “Có Đức Phật hiệu là Thích-ca, hiện ở nơi thời năm ác trước thuyết pháp cho những người thích pháp nhỏ nghe”, đây là trả lời câu “Thế nào là người thích pháp nhỏ” nêu ở trên; chúng sinh thích Tiểu thừa ở trong thời năm ác trước mà Đức Phật kia giáo hóa, gọi là người thích pháp nhỏ.

“Có một Bồ-tát tên là Duy-ma...” là trả lời câu “Bậc Thượng nhân này từ đâu đến” ở trên, nói Hóa nhân này do ngài Duy-ma sai đến. Trước nêu ông Duy-ma trụ ở Bất tư nghị là nói về sở đắc; nói “Vì các Bồ-tát mà thuyết”, là nói về việc làm. “Nên sai hóa nhân đến”, là nói về việc sai khiến. “Khen ngợi danh hiệu Ta và khen cõi này”. Khiến cho các Bồ-tát kia tăng trưởng công đức”, là nói về mục đích việc sai khiến, vì làm cho các Bồ-tát mến mộ mong cầu, gọi là tăng công đức.

Từ đây xuống là phần thứ hai, các Bồ-tát cõi kia xét hỏi về ông Duy-ma. Nói “Người ấy như thế nào mà hóa hiện như thế?” tức là hỏi về người?. “Có đức lực vô úy và thần túc như thế?” là hỏi về đức. Sau đây là Phật trả lời. “Đức Phật nói: Rất lớn”, tức là khen ông Duy-ma đức cao, trả lời câu hỏi thứ nhất. “Ông ấy thường sai các hóa Bồ-tát đi đến khắp mười phương” là khen sự giáo hóa rộng lớn, trả lời câu hỏi sau.

Phần thứ ba, Đức Phật cõi kia trao bát có đầy cơm thơm cho Hóa

Bồ-tát, theo văn có thể tự biết.

Thứ tư, Bồ-tát cõi Chúng hương xin Đức Phật đến cõi này, Đức Phật cho phép. Trong đó, đầu tiên là lời cầu xin. Trước nêu người cầu xin, câu “đồng thanh thưa rằng...” là chính thức cầu xin; “Cúng dường Đức Thích-ca và gặp ông Duy-ma...” là mục đích của việc xin đi. Sau đây là Đức Phật cho phép. Từ câu “Được, các ông nên đi, nhưng phải thu nhiếp...” trở xuống là khuyên răn. Trước khuyên nên ngăn ngừa về thân, sau khuyên nên ước thúc về tâm. Về thân có:

1. Dạy thu nhiếp mùi hương nơi thân, từ câu “Chẳng nên khiến cho...” trở xuống là nói mục đích của lời khuyên dạy, tức nói các chúng sinh cõi kia nghe thấy sẽ sinh đấm trước, nên gọi là khởi hoặc chấp trước.

2. Dạy xả bỏ thân hình vốn có; từ câu “Chớ làm cho...” là mục đích của lời khuyên dạy; thấy thân thù thắng thì tự ti mà lui sụt, gọi là tự hổ thẹn. Ước thúc về tâm, kinh ghi: “Các ông đến cõi kia chớ ôm lòng khinh chê mà sinh tâm tưởng ngăn ngại”, là khuyên lia bỏ các lỗi, đối với người chớ nên khinh khi. Đối với việc không ngăn ngại sợ sệt mà không vào, gọi là khởi tâm tưởng ngăn ngại. Từ câu “vì sao...” trở xuống là sự giải thích. Trước tự nêu, sau giải thích; “Mười phương cõi nước đều như hư không”, là nói về cõi nước thật thanh tịnh. Nói cõi nước bình đẳng như hư không, chứ chẳng phải vô như hư không. Và lại “vì hóa độ người ưa pháp nhỏ nên không hoàn toàn hiện tịnh” là nói vì giáo hóa mà hiện cõi uest. Cũng có thể nói câu “mười phương đều như hư không” là nói về tánh tịnh; còn câu “Chư Phật vì hóa độ Tiểu thừa nên không hoàn toàn hiện thanh tịnh”, là nói về Báo tịnh. Cõi kia thật thanh tịnh, vì giáo hóa mà chẳng hiện uest, cho nên chớ khinh khi mà sinh tâm tưởng ngăn ngại.

Phần thứ năm, Hóa Bồ-tát và đại chúng cõi kia nương thần lực của Phật đến cõi này. Nói “Lúc bấy giờ Hóa Bồ-tát đã thọ nhận bát cơm”, tức là đã thoả mãn tâm mong cầu. Văn kinh “cùng với chín trăm vạn”, phù hợp với ý muốn nhiếp phục. Nói “đều nương oai thần của Phật và thần lực của ông Duy-ma-cật”, là nói về chỗ gá nương để đến cõi này. Trong đó nếu phân biệt thì Bồ-tát nước Chúng hương nhờ vào oai lực của Đức Phật kia, còn Hóa Bồ-tát thì nương vào thần lực của ông Duy-ma-cật, nếu nói chung thì nghĩa đều có. Nói “đang ở cõi kia bỗng nhiên biến mất”, tức phát khởi rất nhanh. “Trong khoảng khắc đã đến nơi nhà của ông Duy-ma”, là nói đến rất nhanh. Do nương vào thần lực của bậc Thánh nên biến mất ở cõi kia, trong khoảnh khắc hiện đến cõi này, ở

cõi kia thì nói là bỗng nhiên, đến cõi này thì nói là khoảnh khắc, vì lời nói có thay đổi.

Trên là năm đoạn hợp thành phần thứ hai, sau đây là phần thứ ba, ông Duy-ma-cật nhận bát cơm từ Hóa Bồ-tát, đồng thời hiển bày sức Bất tư nghị của ông Duy-ma, tức làm trượng thất nhỏ dung chứa tòa cao rộng, khiến cho các Bồ-tát mới đến tin kính sâu xa. Trong đó gồm bốn đoạn:

1. Ông Duy-ma hóa ra chín trăm vạn tòa sư tử cao rộng, như trước đã nói, thỉnh các vị Bồ-tát mới đến ngồi.

2. Hóa Bồ-tát dâng món cơm mà mình đã xin được cho ông Duy-ma.

3. Nói về mùi thơm của món cơm toả khắp thành Tỳ-da và cõi Đại thiên.

4. Do mùi hương xông khắp nên mọi người đều đến. Đây là lợi ích của cơm thơm.

Trong đó, trước tiên nói nghe mùi hương thân tâm khoan khoái, khen là điều chưa từng có. Trong đoạn nói về chúng vân tập, đầu tiên nói người vân tập, từ câu “Các thần đất...” trở xuống là nói các chúng khác vân tập. Trong đoạn nói về chúng đầu tiên, trước nêu chúng, kế đó là nói vào trượng thất, sau là nói về thấy được thì vui mừng đánh lễ và sau đó là đứng qua một bên. Các chúng khác thì có thể tự biết.

Phần thứ tư, nói ông Duy-ma đã được món cơm thơm mời đại chúng cùng thọ thực, tức là nói cơm Hương tích rất ít mà đủ cho tất cả, khiến đại chúng cõi này tôn kính. Trong đó gồm hai đoạn:

1. Mời đại chúng thọ thực, để nêu món ăn nhiều vô tận.

2. Từ câu “Các Bồ-tát và Thanh văn...” trở xuống là nói ăn món cơm này thì thân khoan khoái, để nói món cơm quý giá.

Trong đoạn đầu chỉ bảo Thanh văn thọ thực mà không mời Bồ-tát.

Hỏi:

- Trước mời ngồi thì Đại, Tiểu đồng được bảo, còn ở đây tại sao chỉ bảo Thanh văn?

Đáp:

- Gồm bốn nghĩa:

1. Trước nghĩ đến tòa ngồi là vì cả Đại và Tiểu thừa, cho nên trước đồng bảo. Nay nghĩ đến thức ăn là chỉ vì Bồ-tát, sợ rằng Thanh văn không dám dùng, cho nên mới bảo.

2. Tòa ngồi thì Đại, Tiểu thừa đều cần, nên đồng bảo, còn thọ

thực thì Thanh văn tự có pháp khất thực riêng, đối với món cơm đem về này không có ý muốn ăn, cho nên chỉ mời Thanh văn.

3. Ở trước, các tòa đem về rất cao lớn đối với thân lượng của người, ở đây cần phải chỉ cho Bồ-tát tự biến thân bằng tòa, cần dạy cho Thanh văn lễ Phật để ngồi được, vì thế mà đồng bảo cả hai; hôm nay cơm xin về quá ít, hàng Thanh văn tâm còn hạn hẹp sợ ít chẳng đủ, không có ý muốn ăn, vì thế cần phải bảo riêng. Bồ-tát thì ý rộng lớn biết ít tức nhiều, chẳng lo thiếu cơm, vì thế chẳng mời.

4. Ở trước xin tòa thì chẳng phân biệt Đại Tiểu, cho nên bảo chung, còn ở đây xin cơm là vì người thích pháp Tiểu thừa đạt được Đại thừa, Đức Phật bố thí cơm cũng có ý như thế.

Vì hàng Thanh văn là đối tượng chính, cho nên nay được bảo riêng; muốn khiến đại chúng cùng ăn để biết món cơm vô tận mà phát tâm nguyện cầu, ý nghĩa như thế, văn thì gồm có ba:

1. Bảo Thanh văn, khuyên thẳng là nên dùng cơm.

2. Các vị Thanh văn khác nghĩ món cơm quá ít, hóa Bồ-tát nói cơm này không bao giờ hết.

3. Từ câu “Bát cơm như thế, đại chúng đều dùng no...” trở xuống là nói cơm vô tận.

Trong đoạn đầu, kinh ghi: “Ông Duy-ma bảo Xá-lợi-phất...” là khuyên nên thọ thực; từ câu “Từ đại bi huân tập...” trở xuống là khuyên nên bỏ tâm nhỏ hẹp; món ăn từ đại bi khởi, nên gọi là do đại bi huân tập. Chấp nhất định là ít nên nói là ý hạn hẹp, ăn chẳng hợp với pháp, nên nói là chẳng tiêu.

Trong đoạn thứ hai, văn được chia làm hai:

1. Các Thanh văn khác nghĩ cơm quá ít. Các Thanh văn khác có hai: Một là, phân biệt với Đại thừa gọi là khác, tức trong pháp Đại thừa, giai vị trước kiến đạo nương vào giáo tu hành gọi là Đại Thanh văn, các vị kia chẳng đồng với các vị này nên gọi là (Dị) khác; hai là, trong pháp Thanh văn, phân biệt với Đại gọi là khác (Dị); tức phân biệt với các đại Thanh văn như ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... nên gọi là (Dị) khác, mà đại chúng này, mọi người nên thọ thực.

2. Từ câu “Hóa Bồ-tát...” trở xuống là quả trách ý niệm của các Thanh văn khác, để nói về món cơm vô tận. Văn kinh ghi: “Chớ dùng đức nhỏ trí nhỏ của Thanh văn mà so lường phước tuệ vô lượng của Như Lai”, nói đức nhỏ tức hàng Thanh văn phước tuệ trang nghiêm rất ít; nói trí nhỏ tức hàng Thanh văn có trí tuệ trang nghiêm rất nhỏ; nói phước vô lượng tức là Phật rất nhiều phước; nói tuệ vô lượng tức là Phật có đầy

đủ tất cả trí. Dùng ít mà so lường với nhiều, tất nhiên là chẳng hợp lý, nên nói “Chớ nên dùng”.

Từ câu “Bốn biển có thể khô cạn...” trở xuống là nói cơm vô tận, thành ra suy nghĩ chẳng đúng. “Bốn biển có thể khô cạn nhưng món cơm này chẳng bao giờ hết được” đây tạm mượn việc thế gian để nói cơm vô tận, nói “tất cả mọi người đều ăn một vắt cơm lớn như núi Tu-di, ăn mãi trong một kiếp cũng chẳng hết”; đây là tạm mượn người thế gian để nói cơm vô tận. “Tất cả người đều ăn” là nói người ăn nhiều, “Vắt cơm như núi Tu-di”, tức ăn nhiều; nói “ăn mãi trong một kiếp” là nói thời gian dài lâu. Giả sử có như thế thì món cơm còn chẳng hết. Từ câu “Vì sao” trở xuống là lời giải thích. Trước nêu câu hỏi, nghĩa là chỉ một bát cơm, vì sao ta nói là chẳng bao giờ ăn hết? Sau đó là giải thích. “Vì đây là món cơm dư thừa của bậc có đức vô tận ăn, rốt cuộc chẳng bao giờ hết được”, vô tận giới, định, tuệ... là năm phần thân; công đức đầy đủ tức các đức khác cũng đầy đủ. Từ câu “Bát cơm như thế, đại chúng dùng no mà vẫn còn thừa...” trở xuống là đoạn thứ ba, nói về việc đại chúng đồng thọ thực mà chẳng hết.

Trên là ba đoạn hợp thành phần thứ nhất nói về món cơm không bao giờ hết, sau đây là nói người ăn món cơm thì thân được an ổn khoan khoái, để hiển thị món cơm thật thù thắng. Trong đó đầu tiên nói người ăn thì thân khoan khoái an ổn, nên dụ để hiển rõ. Cuối cùng là nói người ăn món cơm này thì thân phát ra mùi thơm, sau đó là dùng dụ để hiển.

Thứ năm, nói về phép tắc nhiếp phục giáo hóa của Phật Hương Tích, khiến chúng sinh cõi này lìa ngôn ngữ mà tu tập. Ông Duy-ma, trước tiên hỏi Hương Tích Như Lai dùng gì để thuyết pháp, sau đó là lời đáp. Các Bồ-tát cõi kia trả lời rằng: “Đức Như Lai ở quốc độ của chúng tôi không dùng văn tự để thuyết”, tức nêu cõi kia khác cõi này, “mà chỉ dùng các mùi hương để làm cho các trời người được luật hạnh...” là luận về tướng. Nói “Chỉ dùng các mùi hương để cho trời người được nhập hạnh...” tức là nương vào mùi hương mà thông đạt Phật đạo. Nói “Các Bồ-tát mỗi mỗi đều ngồi nơi cội cây hương...” là nương vào mùi hương mà đạt được các pháp thiện, văn kinh trình bày rõ có thể tự biết.

Thứ sáu, nói về pháp khai đạo của Đức Như Lai ở cõi này, khiến chúng sinh cõi kia tu học. Trong đó, trước tiên các Bồ-tát hỏi ông Duy-ma-cật rằng: “Đức Thích-ca Mâu-ni dùng gì để thuyết pháp?”. Sau là ông Duy-ma đáp. Trong đó, đầu tiên là chung, kế đó là nêu riêng và sau cùng là kết luận. Văn kinh ghi: “Chúng sinh ở cõi này càng cường khó

giáo hóa nên Phật phải nói lời cương để điều phục họ”, đây là trả lời chung. Từ câu “nói đó là địa ngục...” trở xuống là nêu riêng. Trong phần nêu riêng thì căn cứ theo bốn để để phân làm bốn là khổ, tập, diệt, đạo. Vì sao chỉ căn cứ vào bốn để nói về pháp? Ở trên đã nói Đức Thích-ca ở trong thời năm trước ác giảng thuyết đạo pháp cho những người thích pháp Tiểu thừa nghe; dạy dỗ chúng sinh Tiểu thừa thì phần nhiều dùng pháp Tứ đế, vì thế chỉ nêu bốn pháp này. Về khổ đế, thì nói nạn tam đồ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nói “đó là các chỗ nạn” tức là các nơi như Uất-đơn-việt, Trường thọ thiên, nói “đó là nơi người ngu sinh” tức là nơi biên địa khác không có Phật pháp. Kế đến nói về tập, trong đó tuy có nhân và quả, nhưng đều căn cứ quả để hiển nhân, chủ yếu là để thành tựu nghĩa tập, đầu tiên nêu ba tà; từ câu “là súc sinh...” trở xuống là nói về mười ác, câu “là bốn sển...” là nói sáu tệ, theo văn có thể biết được. Tiếp theo là nói về đạo, trong đó tuy có cả tà chánh, nhưng đều đối tà mà luận chánh. Đạo hạnh tuy nhiều nhưng chủ yếu chỉ có ba học. Trước nói về giới. Nói “đó là kiết giới”, tức nói về giới pháp, nói “là trì giới...” là nói về giới hạnh, trì giới tức chỉ trì; nói “là phạm giới” là chỉ phạm, nói “là nên làm” tức tác trì; nói “là chẳng nên làm” tức tác phạm; “là chướng ngại” tức là nói hai pháp phạm ở trước hay chướng đạo; “là chẳng chướng ngại”, tức là hai pháp trì ở trước không chướng ngại đạo. Nói “là đắc tội” là nói hai pháp phạm ở trước hay chiêu quả báo; nói “là lìa tội”, tức hai pháp Trì lìa quả báo. Về định học, trước nói “là tịnh” là định tịnh của thế tục, nói “là cấu” tức vị tương ưng định, cũng có thể cho rằng “là tịnh” tức vô lậu định, nói “là cấu” tức tất cả định của thế tục. Sau đây là nói về tuệ học, nói “là hữu lậu”, tức nói các trí thế tục. Nói “là vô lậu” tức Thánh trí xuất thế, nói “là tà đạo” tức tà trí ngoại đạo; nói “là chánh đạo” tức chánh trí nội đạo. Sau đây là nói về Diệt đế, tuy có cả thị và phi nhưng đối với phi mà hiển thị; đầu tiên nói “là hữu vi” tức nhân sinh tử, các phiền não nghiệp khổ hay phát khởi nhóm hợp sinh tử, nên gọi là hữu vi; nói “là vô vi” tức Diệt trong nhân; nói “là thế gian” tức quả sinh tử; nói “là Niết-bàn” tức là Diệt trong quả; cũng có thể cho rằng nhân và quả phần đoạn là hữu vi; diệt tận nhân và quả này gọi là vô vi, nhân quả biến dịch là thế gian, trừ diệt nhân quả này là Niết-bàn.

Trên là nói về tướng riêng, sau đây là tổng kết. Trong đó, đầu tiên là pháp, kế đó là dụ, sau cùng là hợp. “Vì những người khó hóa độ tâm như loài khỉ vượn, phải dùng biết bao nhiêu phép tắc để chế ngự mới điều phục được”, đó là pháp thuyết, từ câu “ví như...” trở xuống là dụ,

sau là hợp, có thể tự biết.

Trên đã biết nói về quả, sau đây là thứ hai nói về nhân, các Bồ-tát tán thán thưa hỏi, tức nói nhân Tịnh độ. Trong đó gồm hai:

1. Nhân Bồ-tát cõi kia tán thán mà hiển bày cõi này thù thắng.
2. Nhân Bồ-tát cõi kia hỏi về nhân Tịnh độ mà hiển pháp tu ở cõi này.

Trong đoạn trước nói về hạnh nhiếp thiện, đoạn sau nói về hạnh lìa lỗi, cho nên sau nói hạnh không lỗi lầm thì sinh vào Tịnh độ. Vả lại đoạn trước nói về hạnh nhiếp cõi nước, tự nhiếp cõi thường tịnh, đoạn sau nói sinh Tịnh độ, hiện sinh cõi nước khác. Đoạn đầu, trước tiên là tán thán, sau đối lời khen mà luận về thù thắng. Kinh ghi: “Các Bồ-tát nghe rồi, đều khen là điều chưa từng có”, là lời khen chung. Sau đây là khen riêng. Đầu tiên khen Phật, nói “ẩn dấu sức vô lượng tự tại, dùng pháp mà người nghèo ưa thích để độ chúng sinh”, vì chúng sinh ở cõi này không có pháp Đại thừa để tự trưởng dưỡng nên gọi là nghèo, chỉ thích Tiểu thừa, nói pháp Tiểu thừa cho là pháp mà người nghèo ưa thích, Như Lai dùng pháp này độ sinh. Sau đây là khen Bồ-tát. Nói “Các Bồ-tát cõi này cũng lao nhọc, nhún nhường, dùng vô lượng đại bi sinh vào cõi này” tức cần khổ giáo hóa người, khiêm hạ đối với chúng sinh. Xót thương nỗi khổ mà tùy thuận hiện sinh gọi là đại bi vô lượng, sinh vào cõi Phật này.

Sau đây nhân lời khen mà ông Duy-ma-cật hiển thị sự thù thắng, để nói rằng do tu thắng hạnh mà được sinh vào cõi này. Trong đó, đầu tiên nói Bồ-tát có tâm đại bi kiên cố đối với chúng sinh. “Một đời tu hành ở cõi này còn hơn tu hành ở cõi khác trong trăm ngàn kiếp”, lời nói chẳng hư dối, nên gọi là “thật như”. Từ câu “vì sao?” trở xuống là giải thích. Trước tự hỏi, sau giải đáp. Kinh ghi: “Cõi Ta-bà này có mười việc tốt mà Tịnh độ không có được”, tức đối với câu hỏi mà giải thích tổng quát. Từ câu “Thế nào là mười...” trở xuống là nêu riêng. Trước tự hỏi, sau phân biệt; nếu luận chung thì đều là lợi tha, nhưng phân biệt thì sáu điều trước là dùng sáu độ mình tu tập để nhiếp phục làm lợi ích chúng sinh; bốn việc sau là dùng pháp hóa tha tùy nghi làm lợi ích cho người, trong đó ba việc đầu là pháp hóa tha, một việc sau hạnh hóa tha. Về pháp thì câu đầu nói “thuyết trừ pháp nạn để độ tám nạn” tức dùng pháp Tiểu thừa giáo hóa; nói “dùng pháp Đại thừa để độ người thích pháp Tiểu thừa” là dùng pháp Đại thừa giáo hóa. Nói “dùng pháp thiện để cứu người vô đức” là dùng pháp nhân thiên để giáo hóa. Trong hạnh hóa tha nói “thường dùng bốn nhiếp để thành tựu chúng sinh”; câu “đó

là mười pháp” là lời kết luận.

Phần thứ hai, nhân các Bồ-tát cõi kia xin được nghe mà nói về pháp tu ở cõi này. Trong đó, trước hỏi Bồ-tát ở cõi này thành tựu mấy pháp mà ở thế giới này thực hành không lỗi lầm, được sinh Tịnh độ. Ý của các Bồ-tát kia là dẫn dắt người vãng sinh Tịnh độ, nên mới có câu hỏi này, tương tự với việc Bồ-tát Vô Úy hỏi về việc sinh Tịnh độ trong kinh Niết-bàn. Từ câu “Ông Duy-ma...” trở xuống là lời đáp: “Thành tựu tám pháp, thực hành không lỗi lầm thì được vãng sinh Tịnh độ”; đây là lời đáp chung. Thực hành không lỗi lầm là làm thanh tịnh nhân, sinh về Tịnh độ là cảm tịnh quả. Vả lại không lỗi lầm thì có thể xả bỏ uế độ, sinh Tịnh độ thì vào Tịnh quốc. Từ câu “những gì là tám...” trở xuống là lời riêng. Trong đó trước hỏi, sau nêu đủ. Đây là căn cứ theo nghĩa tu tập khác nhau để phân biệt các loại. Tám phép này đều là pháp nhiếp tu hành, dùng pháp nhiếp này để phát khởi hạnh Tịnh độ trong hội đầu. Trong tám pháp thì bốn pháp đầu là pháp lợi tha, “làm lợi ích chúng sinh mà chẳng mong cầu quả báo” là câu thứ nhất, đây là từ vô lượng, tâm từ rộng lớn, cho nên chẳng cầu phước báo; “Thay thế tất cả chúng sinh chịu khổ ở địa ngục” là câu thứ hai, tức bi vô lượng, tâm bi sâu dày, nên thay thế tất cả để chịu các khổ não. Hỏi: nếu chúng sinh này thuộc pháp báo thì làm sao thay thế? Vì Bồ-tát trụ ở khổ, giáo hóa làm cho chúng sinh được xa lìa, nên gọi là chịu thay; vả lại các khổ như trời buộc tù tội roi gậy đánh đập, nếu có chỗ để chịu thay, thì Bồ-tát cũng thay thế. “Có bao nhiêu công đức đều ban phát cho tất cả chúng sinh” là câu thứ ba, tức hỷ vô lượng, vì dùng hỷ trừ tận gốc, nên có thể bố thí tất cả. “Dùng tâm bình đẳng đối với chúng sinh, khiêm nhường vô ngại” là câu thứ bốn, tức xả vô lượng, xả bỏ yêu ghét gọi là tâm bình đẳng, đều có thể hạ mình tôn kính, nên gọi là khiêm nhường; dứt bật sự khác nhau giữa oán thân sai biệt, nên gọi là vô ngại.

Bốn câu sau nói về tự lợi. “Đối với Bồ-tát thì tôn kính như Phật, đối với các kinh chưa nghe, khi nghe không sinh tâm nghi ngờ” là câu thứ nhất, tức đối với học xứ của mình thì khởi tâm kính tin, xem Bồ-tát như Phật là kính nhân, đối với kinh chưa nghe, khi nghe thì chẳng nghi là tin pháp. “Không trái nghịch với các Thanh văn” là câu thứ hai, đối với học xứ của người thì trừ bỏ tâm ngăn ngại; “Chẳng đố kỵ khi họ được cúng dường, chẳng tự cao khi mình được lợi lạc, mà ở các nơi đó nên điều phục tâm mình”, là câu thứ ba, tức đối với việc thọ dụng vọng sinh tâm si uế, nói người được cúng ta được lợi là lời có thay đổi; có lỗi thì xả bỏ gọi là điều phục. “Thường xét lỗi mình, chẳng nói đến lỗi

người, hằng dùng nhất tâm cầu các công đức” là câu thứ tư, tức đối với việc tu hành thì khởi tâm chuyên nhất; thường xét lỗi mình chẳng nói lỗi người là tâm lừa dối tinh chuyên, hằng dùng nhất tâm cầu các công đức, là tâm mền mộ pháp thiện tinh chuyên. Chẳng xen lẫn các tướng khác gọi là nhất tâm, có thiện thì đều muốn gọi là cầu các công đức. Bốn câu này và bốn câu trước tổng cộng là tám câu. Từ đây trở xuống là kết luận.

Trên là luận về pháp, từ câu “ông Duy-ma và ngài Văn-thù ở trong đại chúng...” trở xuống là đoạn lớn thứ hai nói về lợi ích của việc tuyên thuyết. Đây là nói lợi ích chung cho một hội, cho nên nói: “khi ông Duy-ma và ngài Văn-thù nói pháp này rồi, thì trăm ngàn trời người đều phát tâm Bồ-đề, mười ngàn Bồ-tát được vô sinh nhẫn”, nếu chỉ một phẩm này thì ngài Văn-thù không có thuyết.
